

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HS-ST  
Ngày 17/6/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Long Hính;

2. Ông Giàng Mí Phìn.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:***  
Ông Phùng Bá Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại Phòng xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HS ngày 03/6/2021 đối với các bị cáo:

**1. Thào Mí N**, sinh năm 1991, tại xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: làm nương; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thào Chia C5, sinh năm 1969 và bà Hầu Thị C6, sinh năm 1969; có vợ là Sùng Thị V (là bị cáo trong vụ án), sinh năm 1993 và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/11/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

**2. Sùng Thị V**, sinh năm 1993, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: làm nương; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Sĩa S5, sinh năm 1973 và bà Vừ Thị S6, sinh năm 1975; có chồng là Thào Mí N (là bị cáo trong vụ án), sinh năm 1991 và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/12/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

**3. Vàng Mí L**, sinh năm 1986, tại xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: làm nương; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Vả P5 (đã chết) và bà Vừ Thị S7 (đã chết); có vợ là Ly Thị P1, sinh năm 1985 và 04 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/11/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Thào Mí N, Sùng Thị V, Vàng Mí L:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Sùng Thị M, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Chị Hạng Thị S, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Sùng Thị M và Hạng Thị S:*

1. Ông Tạ Ngọc Vân - Trưởng Văn phòng - Văn phòng Luật sư Tạ Vân và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Hiến - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. Ông Hoàng Ngọc Chung - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ly Thị P1 (vợ của bị cáo Vàng Mí L), sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Ông Vừ Mí V1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Bà Sùng Thị Máy; địa chỉ: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Hà Giang; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**Vụ 1:** Vào khoảng tháng 03/2015, Thào Mí N đang đi làm thuê ở huyện Phú Ninh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, có quen biết với Vàng Nhì X, dân tộc Mông, quốc tịch Trung Quốc, nhà ở huyện MaLyPho, tỉnh Vân Nam, Trung

Quốc, X làm nghề lái xe ô tô chở người Việt Nam đi từ biên giới Việt - Trung đi vào các điểm làm thuê trong nội địa Trung Quốc để làm thuê, X có nói với N “*về Việt Nam tìm xem có người nào muốn đi làm thuê hoặc phụ nữ thì đưa sang bán cho X*”, N đồng ý và xin số điện thoại của X. Đến khoảng tháng 01/2016, hai vợ chồng Thào Mí N và Sùng Thị V đi đến nhà của Mua Thị M1 để giúp gia đình M1 lợp mái nhà. Trong quá trình lợp mái nhà, Sùng Thị M và Lầu Thị M2, đều trú tại thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Giang gặp V, giữa V và M nói chuyện làm quen và cho nhau số điện thoại. Khoảng 14 giờ ngày 16/2/2016, V kể cho Thào Mí N biết việc giữa V và M thường xuyên liên lạc qua điện thoại với nhau, M có kể cho V biết việc chồng M nghiện rượu, thường xuyên quát mắng đánh M nên M muốn đi làm thuê ở Trung Quốc, nghe V nói vậy nên N nảy sinh ý định lừa đưa người phụ nữ này sang Trung Quốc bán cho Vàng Nhìa X nên N bàn với V “*nếu nó muốn đi Trung Quốc làm thì em cứ lừa nó bảo cùng nhau đi Trung Quốc làm thuê rồi mình sẽ bán nó lấy tiền luôn*”, V đồng ý, N, V bàn bạc, phân công nhiệm vụ với nhau là V sẽ gọi điện thoại cho M để rủ M cùng đi làm thuê Trung Quốc, sau đó V đi đón và đưa M đến khu vực mốc biên giới 397 thuộc thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang với mục đích đưa M sang Trung Quốc bán, còn N sẽ gọi điện thoại cho Vàng Nhìa X để trao đổi việc mua bán người và đi đến khu vực mốc biên giới 397 trước để đợi, đồng thời V và N thống nhất không xưng hô là vợ chồng để M không nghi ngờ. Khoảng 16 giờ cùng ngày, khi M và M2 đang lấy củi cùng nhau thì V gọi điện thoại cho M và nói “*nếu muốn đi làm thuê ở Trung Quốc thì đi luôn trong ngày hôm nay, V đang trên đường xuống đón*”, M đồng ý, khi V, M nói chuyện điện thoại với nhau thì M2 đang ở gần M nên nghe được nội dung cuộc nói chuyện này, do M2 cũng muốn đi sang Trung Quốc làm thuê nên M nói với V “*có một em gái nữa sẽ cùng đi làm thuê*”, V đồng ý và dặn M đi về nhà không nói cho ai biết.

Sau khi V nói chuyện với M, V bảo với N “*có một em gái nữa sẽ cùng đi làm thuê*”, N trả lời “*cứ đón cả hai đứa này đi để chồng liên hệ bán hai đứa nó*” rồi N gọi điện thoại cho Vàng Nhìa X và hỏi “*X có mua người không*”, X nói “*Có*”, N nói “*có hai người phụ nữ, X đến khu vực biên giới ở thôn L, xã S để đón*”, X đồng ý. Sau đó, N đi xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE màu trắng của N (*chiếc xe máy này N đã mua lại nên không nhớ BKS và đã bán vào năm 2016*) khi đến khu vực mốc biên giới 397, N dựng xe máy ở lề đường và đi bộ theo đường mòn qua biên giới Việt - Trung sang lãnh thổ Trung Quốc, khi N đi đến đường giao thông cách mốc biên giới 397 khoảng 500 mét và đứng đợi khoảng 20 phút sau thì X lái xe ô tô màu trắng loại xe 07 chỗ ngồi chở theo một người đàn ông Trung Quốc (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) đến gặp N và cùng N đợi V đưa M và M2 đến, khoảng 18 giờ cùng ngày, V điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn: Đỏ, đen, bạc, biển kiểm soát 23N1 - 01248 (là xe V mượn của Vừ Mí V1, sinh năm 1991), trú tại thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang để đến đón đưa M và M2 đi theo quốc lộ 4C lên khu vực mốc biên giới 397. Khi đến nơi, V dựng xe máy ở lề đường, rồi bảo M và M2 cùng đi bộ theo đường mòn qua

biên giới sang lãnh thổ Trung Quốc. Khi đi bộ qua biên giới khoảng 400 mét, V thấy ô tô của X đang đỗ trên đường nên V nói với M và M2 “*chiếc xe ô tô này đến đón chúng mình đi làm thuê*” rồi tất cả lên xe ô tô. Sau đó, X lái xe ô tô đưa N, V, M, M2 và người đàn ông Trung Quốc đến nhà của X (*cách mốc biên giới 397 khoảng hơn 30 phút đi xe ô tô*), nhà X gồm 02 ngôi nhà, 01 nhà trình tường đất cũ và 01 nhà xây 02 tầng, vợ X khoảng 30 tuổi (*dân tộc Mông, quốc tịch Trung Quốc*) đang ở nhà, V cùng M, M2 đi vào ngôi nhà xây 02 tầng, còn X cùng N đi vào ngôi nhà trình tường đất cũ để thoả thuận về việc mua bán M, M2, X nói với N “*hai người phụ nữ này không xinh lắm, tao mua với giá hai mươi năm nghìn nhân dân tệ*”, N nói “*rẻ quá, không bỏ công đưa đón*”, X nói “*thế đưa thêm hai nghìn nhân dân tệ nữa thành hai mươi bảy nghìn nhân dân tệ*”, N đồng ý. Sau đó, X đi lấy tiền, lúc này V bảo M và M2 ở đây đợi V đi sang ngôi nhà trình tường gặp N, thì X đưa cho N số tiền 27.000 NDT (*Hai mươi bảy nghìn nhân dân tệ*), mệnh giá từng tờ là 100 NDT. Sau đó, X điều khiển xe ô tô đưa N, V đến khu vực mốc biên giới 397 để N, V lấy xe máy đi về. Khoảng 03 giờ sáng ngày 17/02/2016, về đến nhà, số tiền 27.000 NDT (*Hai mươi bảy nghìn nhân dân tệ*) N, V đã chi tiêu cá nhân hết. Còn đối với Sùng Thị M và Lầu Thị M2, sau khi V, N đi về được khoảng 01 giờ thì M hỏi X “*V và những người đàn ông kia đâu*”, X nói “*V và người đàn ông kia đã đi về Việt Nam, V, N đã bán M và M2 cho tao rồi*”. Sau đó, M, M2 bị tách nhau ra và đã bán đi các nơi khác nhau. Đến khoảng tháng 05/2019, M trốn được về Việt Nam, đến ngày 10/12/2020, đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang để trình báo sự việc trên. Còn đối với Lầu Thị M2 hiện nay chưa trở về và cũng không rõ hiện đang ở đâu.

**Vụ 2:** Cũng vào thời gian năm 2015, Thào Mí N có quen biết Vàng Mí L giữa N và L có cho nhau số điện thoại để liên lạc. Vào thời điểm Tết Nguyên đán năm 2016, L đến nhà N chơi, N rủ L “*ăn Tết xong thì cùng nhau đi mua lợn con về bán lấy lãi*”, L đồng ý. Khoảng tháng 3/2016, N cùng L đi đến xã T, huyện Q để mua lợn giống về bán thì N gặp Giàng Thị M3 (*tên thường gọi là Giàng Thị C*), sinh năm 1996, trú tại thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, N hỏi M3 “*có lợn con bán không*”, M3 trả lời “*không có*”, N hỏi M3 “*có chồng chưa*”, thì M3 trả lời “*có rồi*”, N hỏi tiếp “*chồng đâu*”, M3 trả lời “*chồng đi làm thuê ở Trung Quốc không có nhà*”, N có xin số điện thoại của M3 để liên lạc. Sau đó, giữa N và M3 thường xuyên liên lạc với nhau và nảy sinh tình cảm với nhau. Vào ngày 27/3/2016, Thào Mí N có gọi điện thoại cho L nói “*thấy bảo ở huyện Q có người bán lợn con, tao đang ở P, mày đi xuống đây rồi cùng đi với tao*” rồi N gọi điện thoại cho Giàng Thị M3 để hẹn M3 đi chợ thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang chơi. Sau đó, L đi có mang theo 01 chiếc lồng sắt dùng để nhốt lợn và điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA màu trắng không nhớ BKS vì mua xe cũ (*chiếc xe máy này L đã bán vào năm 2018*) đi từ nhà ở thôn K, xã T, huyện Đ đến xã P, huyện Đ để gặp N rồi cùng N đi đến xã T, huyện Q mua lợn con, khi đi N cũng mang theo 01 chiếc lồng sắt dùng để nhốt lợn và điều khiển 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE màu trắng của N (*chiếc xe máy được N sử dụng để thực*

hiện hành vi mua bán người trong vụ 1). Khoảng 08 giờ cùng ngày, khi N và L đi đến thôn B, xã T, huyện Q thì gặp Giàng Thị M3 và Hạng Thị S. Sau đó, N, L đi tìm mua lợn con, mỗi người đi một hướng, còn S và C đi chợ thị trấn T, huyện Q, đến khoảng 11 giờ cùng ngày, L gặp lại S, L hỏi S “*chỗ nào có lợn con bán không*”, S trả lời “*tôi có chị gái ở xã T có một đàn lợn không biết đã bán chưa*”, L nhờ S đưa đến nhà người bán lợn (không rõ tên tuổi) ở thôn T, xã T1, huyện Q, tỉnh Hà Giang, S đồng ý. Do người bán lợn bán giá cao L không mua nên đã đưa S đi về thị trấn T, huyện Q, L rủ S đi đến thành phố H chơi, S đồng ý. Sau đó, L đưa S đi đến thành phố H và thuê phòng nghỉ qua đêm ở đó, hai người thực hiện hành vi quan hệ tình dục, đến sáng ngày 28/3/2016, L đã đưa S đi về thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Còn Thào Mí N, sau khi đi tìm mua lợn con, vào tối ngày 27/3/2016, N đã đến nhà Giàng Thị M3 để ngủ, trong nhà M3 lúc này chỉ có hai con nhỏ là cháu Vàng Thị H, sinh năm 2012 và cháu Vàng Thị V, sinh năm 2014 (*chồng M3 là Vàng Sào S1, sinh năm 1993 đã đi làm thuê Trung Quốc từ ngày 22/02/2016 không có ở nhà*). Sáng ngày 28/3/2016, N tiếp tục đi tìm mua lợn con, đến trưa cùng ngày, N chưa tìm mua được lợn con nên đi về nhà M3 để đón M3 đi thị trấn T, huyện Q ăn cơm trưa, lúc này N gọi điện thoại cho L để hẹn gặp L ở thị trấn T, huyện Q. Sau đó, N, M3, L và S gặp nhau, nói chuyện ở thị trấn T, huyện Q, M3 và S có nói “*muốn đi làm thuê*”, N có nói “*N biết chỗ cần người làm thuê và để N giới thiệu*”, N rủ M3, L và S cùng đi đến xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang để xem bói vì con trai của N là cháu Thào Mí T, sinh năm 2011 đang bị khuyết tật, M3, L và S đồng ý. Sau đó, N chở M3, L chở S đi theo hướng đến xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang, khi đi đến ngã ba đường rẽ vào xã B, huyện Y thì S, M3 bảo không đi nữa rồi mượn xe máy của L đi chơi còn N cùng L đi xe máy của N để xem bói với nhau. Sau khi xem bói xong, N, L đi về hướng thị trấn T, huyện Q khi đi qua xã T, huyện Q thì gặp S, M3, rồi N chở M3 về nhà M3 ngủ còn L chở S đến thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang thuê phòng nghỉ qua đêm.

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 29/3/2016, do hẹn trước nên N, L, S, M3 cùng nhau đi ăn sáng tại chợ thị trấn T, huyện Q, N, L rủ M3 và S đi đến thị trấn Đ, huyện Đ chơi, M3, S đồng ý, lúc này N nảy sinh ý định lừa đưa M3 và S sang Trung Quốc bán cho Vàng Nhà X lấy tiền tiêu, sau đó N chở M3 còn L chở S đi đến thị trấn Đ theo trục đường quốc lộ 4C - đường tỉnh lộ 176. Khoảng 15 giờ cùng ngày, N, L, S và M3 đến khu vực chợ trung tâm thị trấn Đ thuộc tổ 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, N gọi điện thoại cho Vàng Nhà X hỏi “*đưa được hai người phụ nữ lên, X có mua không*”, X nói “*Có mua, thế đang ở đâu*”, N trả lời “*đang ở thị trấn Đ, tí nữa trời gần tối thì đưa hai người phụ nữ sang theo đường cũ, đến khu vực biên giới thì trời tối là vừa*” N dặn X đến đón, X đồng ý. Sau khi N, L, S và M3 ăn phở xong ở quán bán phở trong chợ trung tâm thị trấn Đ thuộc tổ 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang thì N bàn với L “*N quen một người đàn ông Trung Quốc thường đưa đón người Việt Nam đi làm thuê bên Trung Quốc và mua bán phụ nữ Việt Nam, giờ tao với mày lừa M3 và S đi sang*

Trung Quốc làm thuê, khi sang Trung Quốc thì mình bán M3, S cho người đàn ông Trung Quốc kia để lấy tiền, thì sẽ chia cho L một ít”, L đồng ý rồi rủ M3, S cùng đi sang Trung Quốc làm thuê, M3 và S đồng ý. Sau đó, N chở M3 bằng xe máy của N còn L chở S bằng xe máy của L đi theo quốc lộ 4C đến khu vực mốc biên giới 397 thuộc thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Khi đến nơi, N và L dựng xe máy ở lề đường, N bảo L, S, M3 cùng đi bộ theo đường mòn qua biên giới sang lãnh thổ Trung Quốc, lúc này Vàng Nhà X lái xe ô tô màu trắng loại xe 07 chỗ ngồi đợi sẵn trên đường giao thông cách mốc biên giới 397 khoảng 500 mét. Khi cả 4 người vừa sang đất Trung Quốc thì Sùng Thị V (vợ N), gọi điện thoại cho N và hỏi đang ở đâu mấy hôm không về thì N nói là đang trên đường sang Trung Quốc, V hiểu N đang sang Trung Quốc qua khu vực biên giới 397 thuộc thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (là cùng đường mà V và N đã lừa đưa hai người phụ nữ bán cho Vàng Nhà X vào ngày 16/02/2016), lúc này V điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn: Đỏ, đen, bạc, biển kiểm soát 23N1 – 01248 là xe của Vừ Mí V1, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (chiếc xe máy này được V mượn V1 từ trước) rồi đi đến khu vực mốc biên giới 397. Khi đến nơi, V dựng xe máy ở lề đường, đi bộ theo đường mòn qua biên giới sang lãnh thổ Trung Quốc thì nhìn thấy N, L, S và M3 vừa lên xe ô tô ngồi, nên V chạy đến cùng đi lên xe ô tô ngồi, lúc này V nhận ra X là người đàn ông đang lái xe là người đã mua Sùng Thị M và Lầu Thị M2 do vợ chồng V, N đưa đi bán vào ngày 16/02/2021 nên V, N, L, S, M3 cùng đến nhà của X, khi đến nơi, L cùng M3, S và V đi vào ngôi nhà xây 2 tầng còn N và X đi vào ngôi nhà trình tường đất đỏ bàn bạc, thống nhất việc mua bán M3, S. X nói “hai đứa này nhìn đẹp hơn hai đứa trước, mỗi đứa tao trả giá hai mươi nghìn nhân dân tệ, hai đứa là bốn mươi nghìn nhân dân tệ, nhưng hai đứa này nhìn nó khôn quá, nó biết chữ thì dễ lộ nên khi nào bán được hai đứa này thì tao sẽ trả tiền cho mày”, N đồng ý. Sau đó, N gặp M3 và S nói “tôi và L có việc phải về trước chưa làm thuê được, phải mấy hôm nữa thì tôi và L sang làm thuê luôn, M3, S cứ đi làm trước”, M3, S đồng ý. Sau đó, N, L, V được X lái xe ô tô đưa về khu vực mốc biên giới 397 để lấy xe máy đi về nhà.

Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 30/3/2016, X hỏi M3 và S “đã có ai có con chưa”, M3 trả lời “đã có hai con” còn S nói “đang mang thai”, X nói “sao không nói sớm làm tao mua bọn mày lỗ”, M3, S hỏi “thế họ bán chúng tôi với giá bao nhiêu”, X nói “bán với giá năm mươi nghìn đến sáu mươi nghìn nhân dân tệ”, M3, S hỏi tiếp “vậy người phụ nữ lúc này đây”, X trả lời “người đấy là vợ của N”. Khoảng 05 giờ cùng ngày, X lái xe ô tô đưa M3 đi ra khỏi nhà còn S bị nhốt ở trong phòng, cửa bị khóa, khi X đi về thì mở khóa cửa phòng nhưng S vẫn bị nhốt trong phòng. Khoảng 11 giờ cùng ngày, lợi dụng sơ hở của vợ chồng X nên S bỏ trốn rồi đi về Việt Nam qua khu vực biên giới thuộc thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Khoảng 17 giờ cùng ngày, S về được đến xã P, huyện Đ, do không biết đường nên đã gọi điện thoại cho L và bảo L đến đón S đưa về nhà, L đồng ý và đến đón S đưa về nhà bố mẹ đẻ S là ông Hạng Chân H, sinh năm 1972 và bà

Sùng Thị M4, sinh năm 1972, trú tại thôn C, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Sáng ngày 31/3/2016, L nói với S việc N đã bán S và M3 cho người đàn ông Trung Quốc, do S bỏ trốn nên người đàn ông Trung Quốc đang đòi lại tiền N và bảo S đến gặp N để nói chuyện, S đồng ý, L đưa S đến nhà N để gặp N nói chuyện, N nói với S “*không biết việc S và M3 đã bị bán*”. Sau đó, L đưa S về nhà L thuộc thôn K, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang ở từ ngày 31/3/2016 đến ngày 07/4/2016, đến chiều cùng ngày, L đưa S về nhà S ở thôn K, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, tại đây giữa vợ L là Ly Thị P1, sinh năm 1985 đã chửi S về việc S biết L đã có vợ con mà vẫn đi theo L, nên tối ngày 07/4/2016, S gọi điện thoại cho mẹ chồng là Giàng Thị S1, sinh năm 1966 để bảo mẹ chồng đến đón S đưa về nhà, sáng ngày 08/4/2016, mẹ chồng S và chồng S là Mai Xuân C1, sinh năm 1990 đến nhà L ở thôn K, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang rồi đón S đưa về nhà. Ngày 19/11/2020, Hạng Thị S đến Đoàn biên phòng P, Bộ chỉ huy BDBP tỉnh Hà Giang trình báo sự việc. Còn Giàng Thị M3 (*tên thường gọi là Giàng Thị C*) hiện nay không rõ đang ở đâu.

Cáo trạng số 18/CT-VKS-P2 ngày 14/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Thào Mí N về tội “Mua bán người”, quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999; các bị cáo Sùng Thị V và Vàng Mí L về tội “Mua bán người”, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999.

*Tại phiên tòa*, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố: Vào ngày 16/2/2016, Thào Mí N cùng với Sùng Thị V (vợ của bị cáo N) đã có hành vi bàn bạc lừa đưa Sùng Thị M để bán cho Vàng Nhìa X người Trung Quốc với giá 13.500NDT, vợ chồng bị cáo N, V đã sử dụng số tiền này chi tiêu vào việc đi chữa bệnh cho con. Ngày 29/3/2016, bị cáo N cùng với bị cáo Vàng Mí L, đã có hành vi lừa đưa Hạng Thị S bán cho Vàng Nhìa X, người Trung Quốc với giá 20.000NDT, nhưng chưa lấy được tiền. Cả hai lần N cùng với V, L lừa M và S đều bằng thủ đoạn lừa đi sang Trung Quốc làm thuê rồi dẫn các bị hại đi qua khu vực Mốc biên giới 397 thuộc thôn L, xã S, huyện Đ để sang Trung Quốc bán các bị hại.

Bị hại Sùng Thị M: Yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền danh dự, nhân phẩm và các chi phí khác số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*); mỗi bị cáo bồi thường số tiền là 25.000.000 đồng.

Bị hại Hạng Thị S: Đề nghị xử phạt bị cáo Thào Mí N theo quy định của pháp luật, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Vàng Mí L; yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền danh dự, nhân phẩm số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*), mỗi bị cáo bồi thường số tiền là 30.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ly Thị P1: Bị cáo L đã tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại S số tiền là 30.000.000 đồng; nhất trí đề nghị trừ vào số tiền bị hại S yêu cầu L bồi thường.

Các bị cáo N, V, L nhất trí bồi thường cho các bị hại theo yêu cầu của các bị hại, cụ thể: N nhất trí bồi thường cho bị hại S số tiền 30.000.000 đồng, bị hại M số tiền 25.000.000 đồng; V nhất trí bồi thường cho M số tiền 25.000.000 đồng; L nhất trí bồi thường cho bị hại S số tiền 30.000.000 đồng, trừ đi số tiền vợ của bị cáo L đã bồi thường cho S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo Thào Mí N, Sùng Thị V và Vàng Mí L về tội danh và điều luật áp dụng; sau khi phân tích về hành vi phạm tội, tính chất, hậu quả của tội phạm và vai trò của từng bị cáo trong việc thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Thào Mí N, Sùng Thị V và Vàng Mí L phạm tội Mua bán người.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Thào Mí N từ 08 đến 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 20/11/2020).

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Sùng Thị V từ 05 đến 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 10/12/2020).

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Vàng Mí L từ 03 đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 20/11/2020).

3. Đề nghị truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.500NDT do phạm tội mà có của bị cáo Thào Mí N, Sùng Thị V; quy đổi thành tiền Việt Nam là 44.928.135đ (*Bốn mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, một trăm ba mươi lăm đồng*).

4. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện giữa các bị hại với các bị cáo tại phiên tòa về bồi thường trách nhiệm dân sự.

5. Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có ngạch cho các bị cáo theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Phát biểu của Trợ giúp viên pháp lý người bào chữa cho các bị cáo:* Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội Mua bán người là đúng người, đúng tội; nhất trí với bản luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; tuy nhiên về hình phạt, đề nghị bổ sung thêm các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, đó là: Các bị hại M, S cũng có lỗi trong việc không xem xét kỹ về nhân thân của các bị cáo dẫn tới nhẹ dạ, cả tin tạo điều kiện cho các bị cáo phạm tội; V, L phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình của bị cáo V, N rất khó khăn, con bị khuyết tật nặng, L



là người trực tiếp đi đón bị hại S từ Biên giới Trung Quốc về Việt Nam. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo V để xét xử dưới khung hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữ các bị cáo, bị hại tại phiên tòa

*Phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại M, S:* Nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo N, V, L về tội Mua bán người; nhất trí với bản luận tội và đề nghị áp dụng điều luật của Kiểm sát viên tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; nhất trí sự tự thỏa thuận của các bị cáo, bị hại về phần bồi thường trách nhiệm dân sự.

*Phát biểu của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại M, S:* Nhất trí với bản luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật; nhất trí sự tự thỏa thuận của các bị cáo, bị hại về phần bồi thường trách nhiệm dân sự.

*Phần tranh luận:* Các bị cáo nhất trí với bản luận tội và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị xét xử các bị cáo mức án thấp nhất.

Tranh luận của Kiểm sát viên, không nhất trí với đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa về áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo V, giữ nguyên quan điểm về áp dụng điều luật và hình phạt đối với bị cáo V.

*Lời nói sau cùng của các bị cáo:* Đã biết hành vi lừa đưa các bị hại M, S sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau là vi phạm pháp luật, rất hối hận về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo sống ở vùng sâu, vùng xa, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên, Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Mí V1

vắng mặt không có lý do; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý, các bị cáo, xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh và định khung hình phạt: Tại phiên tòa các bị cáo Thào Mí N, Sùng Thị V, Vàng Mí L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của bị hại và kết quả nhận dạng của bị hại; lời khai của người có quyền lợi liên quan; về mặt thời gian, địa điểm, số lần, số tiền, số người trao đổi mua bán, kết quả xác định hiện trường, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo Thào Mí N đã thực hiện hành vi phạm tội 02 lần cụ thể: Vào ngày 16/2/2016, bị cáo N cùng với bị cáo Sùng Thị V đã có hành vi bàn bạc lừa đưa Sùng Thị M để bán cho Vàng Nhà X người Trung Quốc với giá 13.500NDT, số tiền này vợ chồng bị cáo N, V đã chi tiêu cá nhân hết. Vào ngày 29/3/2016, bị cáo N cùng bị cáo Vàng Mí L đã có hành vi lừa đưa Hạng Thị S bán cho Vàng Nhà X, người Trung Quốc với giá 20.000NDT, nhưng chưa lấy được tiền. Cả hai lần bị cáo N đưa M và S sang Trung Quốc bán, đều đi qua đường khu vực mốc biên giới 397 thuộc thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang vượt biên giới để sang Trung Quốc.

[4] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi "Mua bán người" là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sự quen biết giữa bị hại với các bị cáo, dùng thủ đoạn rủ rê, lôi kéo các bị hại đi làm thuê ở bên Trung Quốc và tán tỉnh yêu đương để bị hại tin tưởng đi cùng, tạo điều kiện thuận lợi cho các bị cáo đưa được các bị hại sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau; động cơ, mục đích của các bị cáo vì tư lợi cá nhân, bất chấp pháp luật, coi người phụ nữ như một loại hàng hoá để mua, bán kiếm lời; các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, quyền tự do của người phụ nữ được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương cũng như vùng biên giới giữa 2 nước Việt Nam - Trung Quốc. Hậu quả các bị hại M, S đã bị bán sang Trung Quốc, bị hại M phải làm vợ của người Trung Quốc từ tháng 2/2016 đến tháng 5/2019 mới trốn được về Việt Nam; bị hại S sau 1 ngày bị bán sang Trung Quốc lợi dụng sự sơ hở của Vàng Nhà X nên đã trốn được về Việt Nam.

[5] Hành vi của bị cáo Thào Mí N phạm tội "Mua bán người" quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Sùng Thị V, Vàng Mí L phạm tội "Mua bán người" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 5 năm đến 20 năm. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 (*sửa đổi bổ sung năm 2009*) các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng cao hơn so với khung hình phạt của tội *Mua bán người*, quy định tại khoản 2 Điều 150 Bộ luật

Hình sự năm 2015 có hình phạt tù từ 08 đến 15 năm tù, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 2 Nghị Quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; khoản 3, Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì hành vi phạm tội của các bị cáo Thào Mí N, Sùng Thị V, Vàng Mí L sẽ được xem xét theo hướng có lợi cho các bị cáo khi quyết định hình phạt theo tội *Mua bán người*, quy định tại khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 về phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

[6] Vai trò của từng bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo Thào Mí N là người chủ mưu, khởi sự và thực hành, với vai trò chính, tích cực nhất; bị cáo đã chủ động bàn bạc với V làm quen, tạo lòng tin và rủ rê lừa Sùng Thị M sang Trung Quốc làm thuê; bàn bạc cùng với bị cáo Vàng Mí L để lừa bán bị hại Hạng Thị S sang Trung Quốc; mặt khác N là người trực tiếp đưa các bị hại sang Trung Quốc, trực tiếp giao dịch mua bán và nhận số tiền 13.500NDT với người đàn ông tên Vàng Nhì X tại Trung Quốc; do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án.

[7] Bị cáo Sùng Thị V là người giúp sức tích cực cho bị cáo N trong việc rủ rê, lôi kéo lừa bị hại M sang Trung Quốc làm thuê, nhằm tạo lòng tin đối với M để M đi cùng, là người chở M đến biên giới và cùng N đưa M sang Trung Quốc tạo điều kiện cho N bán được M thuận lợi; sau khi nhận được tiền từ việc bán M, V cùng với N đã sử dụng số tiền 13.500NDT để tiêu sài cá nhân; do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao thứ hai trong vụ án.

[8] Bị cáo Vàng Mí L là người thực hiện hành vi rủ rê, lôi kéo bị hại Hạng Thị S đi Trung Quốc làm thuê nhằm giúp sức cho bị cáo N bán bị hại S được thuận lợi; tuy nhiên bị cáo chưa được hưởng lợi gì trong việc thực hiện hành vi phạm tội bán bị hại S; vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm là người giúp sức cho N trong vụ án. Các bị cáo phạm tội không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, có tính chất đồng phạm giản đơn, cần áp dụng Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đều là người dân tộc, sống ở vùng sâu, vùng xa, có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; tại phiên tòa các bị cáo đã tỏ rõ sự ăn năn, hối cải, đã tự nguyện thỏa thuận với các bị hại và chấp nhận toàn bộ yêu cầu của các bị hại về bồi thường trách nhiệm dân sự; các bị cáo N, V gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có 01 con trai bị khuyết tật nặng được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại giai đoạn điều tra, bị cáo Vàng Mí L đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Hạng Thị S là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) bằng 100% số tiền bị hại S yêu cầu bồi thường, bị hại S có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại phiên tòa bị hại

tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt; sau khi S trốn được về, bị cáo đã đi đón S từ biên giới Trung Quốc về Việt Nam được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Cần xem xét áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật. Bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 xét xử bị cáo dưới khung hình phạt.

[11] Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 về tù có thời hạn, xét xử các bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[12] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo.

[13] Trong vụ án này còn có đối tượng tên là Vàng Nhìa X, dân tộc Mông, quốc tịch Trung Quốc, nhà ở tỉnh Vân Nam, Trung Quốc với vai trò là người trực tiếp lái xe ô tô để đón đưa các bị cáo và các bị hại từ khu vực biên giới về nhà, đồng thời là người trực tiếp bàn bạc thống nhất với bị cáo Thào Mí N để mua các bị hại (*Sùng Thị M, Hạng Thị S*). Hành vi của Vàng Nhìa X có dấu hiệu phạm tội Mua bán người, quy định tại Điều 119 Bộ luật Hình sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, do Vàng Nhìa X là người nước ngoài, lý lịch bản thân không rõ ràng, các bị cáo và các bị hại không xác định lý lịch và địa chỉ cụ thể của Vàng Nhìa X nên Cơ quan điều tra không thể triển khai các biện pháp điều tra theo quy định pháp luật Việt Nam. Do đó không đề cập xử lý trong vụ án này, tiếp tục phối hợp với Cơ quan điều tra, Trung Quốc xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ, nếu đủ căn cứ thì sẽ tiến hành xử lý thành một vụ án khác là đúng quy định của pháp luật.

[14] Đối với hành vi qua lại biên giới Việt Nam - Trung Quốc mà không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định đối với bị cáo Thào Mí N, Sùng Thị V vào ngày 16/02/2016 và ngày 29/3/2016 cùng bị cáo Vàng Mí L vào ngày 29/3/2016, hành vi của các bị cáo Thào Mí N, Sùng Thị V, Vàng Mí L đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ, phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, đồng thời bản thân các bị cáo đang bị tạm giam nên các bị cáo Thào Mí N, Sùng Thị V, Vàng Mí L đã có đơn xin miễn xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền. Ngày 10/3/2021, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo Thào

Mí N, Sùng Thị V và Vàng Mí L với hình thức Cảnh cáo. Vì vậy không đề cập xem xét.

[15] Ngoài ra các bị cáo Thào Mí N, Sùng Thị V, Vàng Mí L, khai nhận còn được đưa Lầu Thị M2 và Giàng Thị M3 là công dân Việt Nam sang Trung Quốc bán, nhưng hiện nay M2, M3 vẫn chưa trở về Việt Nam. Do vậy không đủ căn cứ để xem xét đối với các bị cáo L, V, N theo điểm e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn phù hợp, Cơ quan CSĐT sẽ tiếp tục điều tra xác minh, phối hợp với Công an Trung Quốc làm rõ địa chỉ của Lầu Thị M2 và Giàng Thị M3 để tiến hành giải cứu, khi giải cứu được, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xem xét xử lý sau là đúng quy định.

[16] Đối với bị cáo Vàng Mí L ngoài hành vi “*Mua bán người*”, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang đã đấu tranh làm rõ hành vi quan hệ tình dục đối với bị hại Hạng Thị S là hoàn toàn tự nguyện, không trái ý muốn và không bị ép buộc; tại phiên tòa, bị hại S không có ý kiến gì về hành vi quan hệ tình dục giữa L với bị hại. Do vậy, không đủ cơ sở để xem xét đối với Vàng Mí L về hành vi hiếp dâm bị hại S là hoàn toàn có căn cứ. Tại phiên tòa bị hại S không có ý kiến gì về việc quan hệ tình dục giữa bị cáo L với bị hại S.

[17] Về vật chứng: Quá trình điều tra đã tạm giữ của Vũ Mí V1, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang: + 01 (*một*) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn: Đỏ, đen, bạc, biển kiểm soát 23N1 - 01248. Căn cứ kết quả điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 03 ngày 04/02/2021, xử lý vật chứng là 01 (*một*) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn: Đỏ, đen, bạc, biển kiểm soát 23N1 - 01248 bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là Vũ Mí V1 (*Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu lập ngày 05/02/2021*); tại phiên tòa, bị cáo Sùng Thị V không có ý kiến gì về chiếc xe máy nêu trên.

[18] Về vật, tiền liên quan đến hành vi phạm tội: Đối với số tiền 13.500NDT bị cáo N, V bán bị hại M, do phạm tội mà có, các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết, do đó cần áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 truy thu số tiền trên để sung quỹ Nhà nước. Căn cứ Công văn số 131/HAG-TH ngày 05/02/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hà Giang, cung cấp tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam so với Nhân dân tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo cụ thể như sau: Từ ngày 04/02/2016 đến ngày 17/02/2016 được quy đổi là 01 CNY = 3.328,01 VND (*Một CNY đổi được Ba nghìn ba trăm hai mươi tám đồng không hào một xu VND*) được số tiền là **44.928.135đ** (*Bốn mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, một trăm ba mươi lăm đồng*).

[19] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại Sùng Thị M yêu cầu các bị cáo N, V bồi thường về danh dự, nhân phẩm, tinh thần bị xâm hại số tiền là 50.000.000 đồng và 150.000 đồng tiền công mất thu nhập/ngày. Bị hại Hạng Thị S yêu cầu các bị cáo N, L bồi thường về danh dự, nhân phẩm, tinh

thần bị xâm hại và tiền công đi tìm người, mất thu nhập số tiền là 100.000.000 đồng.

[20] Tại phiên tòa các bị cáo, bị hại đã tự thỏa thuận được với nhau về bồi thường trách nhiệm dân sự, cụ thể: Bị cáo N bồi thường cho bị hại M tổng số tiền là 25.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại S tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Bị cáo V bồi thường cho bị hại M tổng số tiền 25.000.000 đồng. Bị cáo bồi thường cho bị hại S tổng số tiền 30.000.000 đồng (được trừ vào số tiền bị hại S đã nhận vào ngày 04/02/2021, vợ của bị cáo Vàng Mí L là Ly Thị P1 bồi thường cho bị hại S). Xét thấy, sự tự thỏa thuận của các bị cáo, bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của các bị cáo, bị hại.

[21] Đại diện hợp pháp cho bị hại Lầu Thị M2 là ông Lầu Chá S2, sinh năm 1971, trú tại thôn V, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (*bố đẻ của bị hại Lầu Thị M2*) đã làm đơn đề nghị, yêu cầu các bị cáo (*Sùng Thị V, Thào Mí N*) bồi thường chi phí gia đình đi lại, tìm kiếm bị hại Lầu Thị M2 với số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*). Đại diện hợp pháp cho bị hại Giàng Thị C là ông Vàng Sào S3, sinh năm 1993, trú tại thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang (*chồng của bị hại Giàng Thị C*) đã làm đơn đề nghị, yêu cầu các bị cáo (*Thào Mí N, Vàng Mí L*) phải cấp dưỡng cho hai con của ông Vàng Sào S3 và bị hại Giàng Thị C là cháu Vàng Thị H, sinh năm 2012 và cháu Vàng Thị V, sinh năm 2014 đến khi cháu H và cháu V đến 18 tuổi. Hiện nay Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra xác minh, phối hợp với Công an Trung Quốc làm rõ địa chỉ của Lầu Thị M2 và Giàng Thị M3 để tiến hành giải cứu, khi giải cứu được, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xem xét xử lý sau. Vì vậy, về bồi thường trách nhiệm dân sự của Lầu Thị M2 và Giàng Thị C sẽ được xem xét trong vụ án khác.

[22] Từ những phân tích nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Thào Mí N về tội "Mua bán người" theo điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999; các bị cáo Sùng Thị V và Vàng Mí L về tội "Mua bán người" theo điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội. Phát biểu luận tội và đề nghị áp dụng điều luật, hình phạt, trách nhiệm dân sự, án phí của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[23] Phát biểu của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 xét xử bị cáo Sùng Thị V dưới khung hình phạt, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[24] Về án phí: Các bị cáo N, V, L là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 15, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo.

[25] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Các bị cáo Thào Mí N, Sùng Thị V và Vàng Mí L phạm tội "Mua bán người".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Thào Mí N 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 20/11/2020).

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Sùng Thị V 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 10/12/2020).

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Vàng Mí L 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 20/11/2020).

3. Xử lý vật, tiền liên quan đến hành vi phạm tội: Truy thu số tiền 13.500.000 VND của bị cáo Thào Mí N và Sùng Thị V do phạm tội mà có, được quy đổi bằng tiền Việt Nam là 44.928.135đ (*Bốn mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, một trăm ba mươi lăm đồng*).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 585, Điều 590, Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa các bị cáo, bị hại tại phiên tòa như sau:

- Bị cáo Thào Mí N có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Sùng Thị M, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Giang số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Bồi thường cho bị hại Hạng Thị S, địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

- Bị cáo Sùng Thị V có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Sùng Thị M, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Giang số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,*

*bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 15, Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo Thào Mí N, Sùng Thị V và Vàng Mí L.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Vũ Mí Và, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC 01, PC 02, PV 06 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thanh Loan**